

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1263/2026/DS-ST

Ngày: 24/4/2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phi Trung

Ông Huỳnh Văn Phát

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Uyên Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5
- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1510/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2026/QĐXXST-DS ngày 13/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2026/QĐST-DS ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam)

Địa chỉ: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, là đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai T1 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 2 X, phường T, Tp .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T2 (Việt Nam) trình bày:

Ngày 18/10/2023, Công ty T2 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T2) ký Hợp đồng tín dụng số 4998264 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Mai T1 với khoản vay 38.772.000 đồng, trong đó bao gồm: 36.000.000 đồng tiền vay và 2.772.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để

tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 52%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ 10/11/2023 đến ngày 10/10/2025. Sau khi ký kết, ngày 18/10/2023, Công ty T2 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Mai T1.

Qua quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Mai T1 đã thanh toán được 14 kỳ với tổng số tiền: 37.937.760 đồng. Trong đó:

- Số tiền gốc: 18.259.521 đồng.
- Tiền lãi: 20.358.611 đồng.
- Phí thu hộ: 168.000 đồng.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Mai T1 đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty T2 đã tiến hành liên hệ yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Mai T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn và quy định tại điểm a, điểm f, khoản 11.2 Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty T2 thì việc bà Nguyễn Thị M Thảo không thanh toán đúng hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ với Công ty T2, đồng thời Công ty có quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn với bà Nguyễn Thị Mai T1.

Tính đến ngày 24/4/2026, bà Nguyễn Thị Mai T1 đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.512.479 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 5.189.029 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 13.815.938 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 536.833 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 24/4/2026 số tiền bà Nguyễn Thị Mai T1 phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là 40.054.278 đồng.

Vì vậy, Công ty T2 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mai T1 phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T2 với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi), tạm tính đến ngày 24/4/2026 là 40.054.278 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/4/2026 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T1 nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty T2 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Mai T1** có nơi cư trú tại **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Mai T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt, không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4998264 ngày 18/10/2023 của **Công ty T2** (Việt Nam), **Công ty T2** đã cấp tín dụng cho bà **Nguyễn Thị Mai T1** số tiền 38.722.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng vay, bà **Nguyễn Thị Mai T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 4998264 ngày 18/10/2023. Vì bà **T1** vi phạm nghĩa vụ

thanh toán nên Công ty T2 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền tính đến ngày 24/4/2026 là 40.054.278 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 20.512.479 đồng, lãi trong hạn là 5.189.029 đồng, lãi quá hạn là 13.815.938 đồng, lãi chậm trả là 536.833 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 và 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, bà T1 còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 25/4/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4998264 ngày 18/10/2023.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 (Việt Nam) được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, thì bà Nguyễn Thị Mai T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty T2 (Việt Nam):

Buộc bà Nguyễn Thị Mai T1 phải thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền 40.054.278 (*Bốn mươi triệu không trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi tám*) đồng; Trong đó: Nợ gốc là 20.512.479 đồng, lãi trong hạn là 5.189.029 đồng, lãi quá hạn là 13.815.938 đồng, lãi chậm trả là 536.833 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4998264 ngày 18/10/2023 giữa Công ty T2 (Việt Nam) và bà Nguyễn Thị Mai T1.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mai T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.002.714 (*Hai triệu không trăm lẻ hai nghìn bảy trăm mười bốn*) đồng.

- H lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty T2 (Việt Nam) đã nộp là 736.000 (*Bảy trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0030240 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà **Nguyễn Thị Mai T1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Công ty T2** (Việt Nam) thì lãi suất mà bà **Nguyễn Thị Mai T1** phải tiếp tục thanh toán cho **Công ty T2** (Việt Nam) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Công ty T2** (Việt Nam).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út